

Bản án số: 20/2023/HS-PT

Ngày: 28-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông: Vàng Xuân Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hòa; Ông Bùi Ngọc Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:
Ông: Lê Văn Khánh - Kiểm sát viên VKSND tỉnh Lai Châu.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2023/HSPT, ngày 13 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Lò Kim T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2023/HS-ST, ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố LC.

- Bị cáo có kháng cáo: Lò Kim T; tên gọi khác: Không; giới tính: nữ; sinh năm 1989, tại tỉnh Lai Châu; nơi ĐKHKTT: bản VP, xã MS, huyện PT, tỉnh Lai Châu; chỗ ở hiện tại: Tổ 15, phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Nguyên giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Lò Văn P (đã chết) và con bà Lò Thị T, sinh năm 1963; chồng: Vương Văn N (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã MS, huyện PT, tỉnh Lai Châu từ ngày 21/10/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Đình Chinh, thẻ luật sư số 12778/LS - thuộc Văn phòng luật sư Trí Tài. Địa chỉ: số 14, ngõ 2, đường Văn Tiên Dũng, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại Lò Văn M không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lò Văn M tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân từ tháng 3/2018 có quen biết với Lò Kim T. Khoảng tháng 12/2020 M đến nhà T chơi, qua nói chuyện T biết M có nhu cầu xin chuyển từ chiến sỹ nghĩa vụ sang chế độ chuyên nghiệp trong Công an nhân dân, T nói với anh M là để T hỏi xin cho, số tiền để xin chuyển mất khoảng ba đến bốn trăm triệu đồng. Sau khi M và T thống nhất về việc nhờ T đứng ra xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M với số tiền 380.000.000 đồng, đến ngày 23/12/2020 M cùng bố đẻ của mình là ông Lò Văn B và bác là Lò Văn I đến nhà của Lò Kim T để đưa số tiền 180.000.000 đồng cho T nhờ T đứng ra xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M. Trên thực tế T không có mối quan hệ nào trong ngành Công an, T cũng không biết sẽ hỏi và nhờ ai để xin chuyển cho M sang chế độ chuyên nghiệp cho M nhưng vẫn nhận tiền từ M. Việc giao nhận tiền hai bên giao trực tiếp tiền mặt cho nhau, không lập giấy tờ, không có thỏa thuận nào khác. Sau ngày 23/12/2020 giữa T và M có nhắn tin trao đổi với nhau về số tiền còn lại để M và gia đình chuyển cho T. Sau đó M tiếp tục nhiều lần giao tiền cho T với tổng số tiền 200.000.000 đồng nhằm mục đích phục vụ cho việc chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M. Tuy nhiên sau khi nhận đủ số tiền 380.000.000 đồng từ M, T không liên hệ với ai để xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M, mà T đã sử dụng số tiền đó vào mục đích cá nhân.

Ngày 07/3/2021, anh Lò Văn M được xuất ngũ trở về địa phương theo quy định. Sau một thời gian chờ đợi không có kết quả, ngày 23/12/2021 anh M cùng ông Lò Văn I đến nhà gặp Lò Kim T yêu cầu T trả lại số tiền 380.000.000 đồng, tuy nhiên T không có tiền để trả lại cho anh M, nên tại thời điểm đó hai bên đã lập một bản cam kết với nhau, nội dung: Lò Kim T đã nhận tiền Lò Văn M để giúp đỡ chạy xin việc chuyển vào biên chế chính thức trong lực lượng Công an nhân dân với tổng số tiền 380.000.000 đồng. Hẹn đến ngày 04/01/2022, T sẽ hoàn trả số tiền 380.000.000 đồng cho M.

Tuy nhiên đến ngày 29/01/2022 T mới chuyển trả cho M số tiền 20.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản. Ngày 15/4/2022 T chuyển trả cho anh Lò Văn M số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Ngày 05/5/2022 Lò Kim T chuyển trả cho anh M số tiền 50.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Còn số tiền 260.000.000 đồng nhiều lần anh M yêu cầu T trả lại, nhưng T không có tiền để trả lại. Ngày 24/8/2022 M làm đơn tố cáo Lò Kim T đến cơ quan điều tra Công an thành phố LC. Đến ngày 20/10/2022, Lò Kim T đã trả lại cho Lò Văn M toàn bộ số tiền còn lại là 260.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số: 835/KL-KTHS, ngày 14/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lò Kim T trong bản cam kết lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 23/12/2021 so với mẫu chữ ký, chữ viết thu của Lò Kim T là do cùng một người ký, viết ra. Bản kết luận giám định

cũng kết luận về chữ ký, chữ viết của Lò Văn M, Vương Văn N, Lò Văn I tương tự như của Lò Kim T.

Quá trình điều tra Lò Kim T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về kết luận giám định, bản cáo trạng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm T thay đổi lời khai chỉ thừa nhận đã nhận số tiền 180.000.000 đồng của M để đi hỏi xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M. Còn số tiền 200.000.000 đồng là M cho T vay, M còn nhờ T nhắn tin vào số điện thoại của M thúc giục chuyển tiền để làm tin với gia đình. Bị hại vắng mặt, trong quá trình điều tra trình bày M đưa cho T số tiền 380.000.000 đồng để nhờ T xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M. Sau khi giao nhận tiền T và M không có thỏa thuận chuyển sang hình thức vay mượn đối với số tiền trên. M xác nhận đã nhận đủ số tiền 380.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng T trả hỗ trợ tiền lãi. Nên về trách nhiệm dân sự, anh M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Người làm chứng anh Vương Văn N khẳng định: Trước đây Lò Văn M tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân được phân về cùng đội với N. N không biết việc Lò Kim T nhận tiền để xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M. Chỉ đến khi gia đình M đến nhà yêu cầu chị T trả tiền anh N mới biết T đã nhận số tiền 380.000.000 đồng từ M. N có được ký vào bản cam kết ngày 23/12/2021, tuy nhiên không rõ thỏa thuận giữa T và M như thế nào.

Người làm chứng ông Lò Văn B, Lò Văn I trình bày: Hai ông có đi cùng M đến nhà T đưa cho chị T số tiền 180.000.000 đồng để nhờ chị T xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân cho M. Sau đó nhiều lần chị T nhắn tin cho M để thúc giục chuyển nốt số tiền 200.000.000 đồng cho T. Sau khi M xuất ngũ đã nhiều lần cùng gia đình lên yêu cầu T trả tiền nhưng T không trả, nên ngày 23/12/2021 ông I có viết bản cam kết yêu cầu T và người nhà là anh N ký nhận. Trên cơ sở thực tế nên anh N và chị T đã ký vào bản cam kết đó. Tại phiên tòa, T trình bày M cho T vay số tiền 200.000.000 đồng là không đúng, vì hoàn cảnh gia đình nhà M rất khó khăn, số tiền đưa cho T gia đình cũng phải đi vay mượn và phải trả lãi nên không có việc M cho chị T vay số tiền 200.000.000 đồng như lời chị T trình bày.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2023/HS-ST, ngày 06/6/2023 của TAND Thành phố LC, tỉnh Lai Châu đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên bố bị cáo Lò Kim T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù

tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Ngày 18/6/2023, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết tội danh là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Tuy nhiên mức hình phạt là cao và nặng và đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu trình bày quan điểm: Chủ thể kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đảm bảo theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; về gia đình có thân nhân là người có công được tặng “Huy chương kháng chiến hạng nhất”; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm văn bản xin xác nhận của Công an huyện PT, tỉnh Lai Châu, về việc bản thân đã hỗ trợ, giúp sức đưa các cháu trên địa bàn huyện PT trở về địa phương và đoàn tụ với gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xem xét giảm một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận đơn kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống còn từ 05 năm 06 tháng đến 05 năm 09 tháng tù.

Người bào chữa có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét bị cáo đã nhận thức được hành vi trái pháp luật, nhận tội và ăn năn, hối hận, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra; có thân nhân là người có công được tặng “Huy chương kháng chiến hạng nhất”; bản thân đã giúp sức, hỗ trợ tích cực vào hoạt động tố giác tội phạm, ngăn chặn hành vi phạm tội; là phụ nữ đang nuôi con nhỏ; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có những tình tiết chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm. Do đó, kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ nguyên tắc khoan hồng của pháp luật giảm nhẹ hình phạt xuống còn từ 03 đến 04 năm tù, để bị cáo có cơ hội sớm về với cộng đồng và gia đình. Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của người bào chữa.

Tại lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo hợp lệ trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người bào chữa có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Mặc dù biết bản thân không có chức năng và khả năng xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp Công an nhân dân, nhưng khoảng tháng 12/2020, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả với bị hại Lò Văn M là bị cáo có mối quan hệ quen biết có thể xin chuyển cho bị hại từ chiến sỹ nghĩa vụ sang chế độ chuyên nghiệp trong Công an nhân dân, làm cho bị hại tin tưởng là thật nên đã chuyển cho bị cáo nhiều lần với tổng số tiền 380.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bị hại, bị cáo không đi hỏi hay liên hệ với bất cứ người nào để xin chuyển sang chế độ chuyên nghiệp trong Công an nhân dân cho bị hại mà đã chiếm đoạt, chi tiêu số tiền vào việc cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng điều luật, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo 06 năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xem xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Hội đồng xét xử Phúc thẩm thấy rằng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại 20.000.000 đồng. Quá trình công tác được tặng thưởng bằng khen vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, về gia đình có thân nhân là người có công, được tặng thưởng “ Huy chương kháng chiến hạng nhất”. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm văn bản xin xác nhận của Công an huyện PT, xác nhận bị cáo đã hỗ trợ, giúp sức các cháu ở địa

bàn huyện PT bị đối tượng lạ rú rê (qua điện thoại) và kịp thời trình báo cho lực lượng chức năng tiến hành xác M và đón các cháu về địa phương đoàn tụ với gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt, để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lò Kim T, sửa bản án sơ thẩm số: 31/2023/HS-ST, ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố LC, tỉnh Lai Châu như sau:

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Lò Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo **05** (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (28/9/2023)./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LC;
- TAND thành phố LC;
- VKSND thành phố LC;
- Chi cục THADS thành phố LC;
- Bị cáo; Người Bào chữa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vàng Xuân Hiệp

